

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG**

-----



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
*NGÀNH HÀN QUỐC HỌC*

**Tp. Hồ Chí Minh, năm 2021**

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số ..... ngày .....tháng.....năm..... của Hiệu trưởng  
Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng)

Tên chương trình: **HÀN QUỐC HỌC**  
(KOREAN STUDIES)

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Hàn Quốc học**

Mã số: **7310614**

Tên gọi của văn bằng: **Cử nhân Hàn Quốc học**

### 1. Mục tiêu

#### 1.1. Mục tiêu chung

Bồi dưỡng và đào tạo con người và phát triển nguồn nhân lực có hiểu biết về đất nước, con người và ngôn ngữ Hàn Quốc học chất lượng quốc tế dựa trên nền tảng là các chương trình đào tạo tương đương của các trường Đại học Konkuk, Trường Đại học Quốc gia Chungbuk, Trường Đại học Nữ Seoul, Trường Đại học Ngoại ngữ Busan – Hàn Quốc để đảm bảo sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể áp dụng kiến thức, kỹ năng đã học một cách linh hoạt và hợp lý, tham gia vào thị trường lao động trong và ngoài nước, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên ngành Hàn Quốc học sau khi tốt nghiệp phải có:  
Kiến thức:

PO1: Người học có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, văn hóa, chính trị, pháp luật; có kỹ năng ngoại ngữ và các kỹ năng mềm phục vụ cho công việc.

PO2: Người học nắm vững kiến thức chuyên sâu cả về lý thuyết và thực hành, có năng lực giải quyết những yêu cầu thực tiễn của nhiều công việc liên quan đến chuyên ngành Hàn Quốc học, có khả năng đưa ra ý tưởng, giải pháp và xây dựng đáp ứng như cầu công việc liên quan đến chuyên ngành một cách hiệu quả.

Kỹ năng:

PO3: Người học có khả năng sử dụng tiếng Hàn lưu loát trong nhiều tình huống

PO4: Người học hát huy kỹ năng biên phiên dịch và biết các tổ chức thực hiện hoạt động biên phiên dịch thông thường và chuyên ngành trong nhiều lĩnh vực

tiếp tục học ở trình độ cao hơn; có ý thức và tinh thần trách nhiệm trong công việc.

Thái độ, mức độ tự chủ và trách nhiệm:

PO6: Người học có hành vi thái độ làm việc chuyên nghiệp, có kỹ năng và tác phong làm việc theo tiêu chuẩn quốc tế, tuân thủ pháp luật, có trách nhiệm và đạo đức trong công việc, có tinh thần ham muốn học hỏi và học tập suốt đời.

## **2. Chuẩn đầu ra**

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Hàn Quốc học, sinh viên cần đạt các yêu cầu tối thiểu sau:

### **2.1. Kiến thức**

**PLO1** Áp dụng kiến thức nền tảng về nhiều lĩnh vực như văn hóa, kinh tế, chính trị, lịch sử, pháp luật, ... vào thực tiễn chuyên ngành Hàn Quốc học

**PLO2.** Phân tích các vấn đề ngôn ngữ, văn hóa xã hội, ... và áp dụng phương pháp nghiên cứu Hàn Quốc học thích hợp vào các lĩnh vực nghề nghiệp.

**PLO3.** Vận dụng thành thạo các kỹ năng ngôn ngữ Hàn Quốc, đạt chuẩn đầu ra cấp 4 theo thang 6 bậc của kỳ thi Năng lực tiếng Hàn (TOPIK) hoặc chuẩn tương đương.

**PLO4.** Biên phiên dịch Hàn Việt một cách thành thạo và đánh giá kết quả biên phiên dịch

**PLO5.** Có khả năng đưa ra ý tưởng mới trong nhiều lĩnh vực nghề nghiệp liên quan đến Hàn Quốc học như nghiên cứu về Hàn Quốc học, giảng dạy tiếng Hàn, biên phiên dịch tiếng Hàn dựa trên việc vận dụng kiến thức cơ bản đã học.

### **2.2. Kỹ năng**

**PLO6.** Có khả năng giao tiếp, diễn đạt, tranh luận và giao tiếp về các vấn đề chuyên môn một cách rõ ràng, mạch lạc và khoa học.

**PLO7.** Có khả năng nghiên cứu và tham gia thực hiện các dự án liên quan đến Văn hóa - Xã hội - Kinh tế - Chính trị - Ngoại giao Hàn Quốc, giảng dạy tiếng Hàn.

**PLO8.** Có khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến chuyên ngành Hàn Quốc học bằng cách áp dụng các phương pháp tiếp cận khoa học có liên quan.

**PLO9.** Ứng dụng công nghệ kỹ thuật vào giải quyết các vấn đề của công việc

### **2.3. Thái độ, mức tự chủ và trách nhiệm**

**PLO10.** Có khả năng áp dụng các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp.

**PLO11.** Có khả năng thể hiện thái độ đúng đắn trong việc tiếp nhận phản biện và ý kiến trái chiều.

**PLO12.** Có khả năng làm việc nhóm và làm việc cá nhân một cách hiệu quả.

**3. Khối lượng kiến thức toàn khoá:** 120 Tín chỉ

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Theo quy chế tuyển sinh của Trường.

**5. Quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Theo quy chế đào tạo đại học của Trường.

## 6. Cách thức đánh giá

Theo quy chế thi, kiểm tra đánh giá của Trường.

## 7. Nội dung chương trình

### 7.1. Cấu trúc chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
A.	<b>Giáo dục đại cương</b>	<b>21</b>	<b>0</b>
B.	<b>Giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>87</b>	<b>12</b>
	I. Khối kiến thức cơ sở khối ngành	2	0
	II. Khối kiến thức cơ sở ngành	52	0
	III. Khối kiến thức ngành/chuyên ngành	30	6
	IV. Khối kiến thức cuối khóa	3	6
<b>TỔNG</b>		108	12
		<b>120</b>	

**Khối kiến thức giáo dục đại cương** có **21** tín chỉ gồm các học phần về chính trị, khoa học xã hội, toán – tin học – khoa học tự nhiên, ngoại ngữ, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng nhằm cung cấp đầy đủ cho sinh viên kiến thức nền tảng cơ bản và kỹ năng mềm cần thiết cho các học phần khác của ....

**Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp** có **90** tín chỉ (84 TC bắt buộc và 6 TC tự chọn) gồm các học phần về kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành và khóa luận tốt nghiệp nhằm cung cấp đầy đủ cho sinh viên kiến thức từ nền tảng đến chuyên sâu và kỹ năng thực hành từ cơ bản đến nâng cao trong các lĩnh vực về ....

**Khóa luận/Đồ án tốt nghiệp/Các môn thay thế** gồm **9** tín chỉ nhằm cung cấp đầy đủ cho sinh viên kiến thức từ nền tảng đến chuyên sâu và kỹ năng thực hành từ cơ bản đến nâng cao trong đề sinh viên có thể nghiên cứu hoặc đáp ứng được đầy đủ công việc thuộc nhiều lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành Hàn Quốc học.

## 7.2. Nội dung chương trình dạy học

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết			Điều kiện tiên quyết			Học kỳ (dự kiến)
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
<b>A</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương: 21 TC (Bắt buộc: 21 TC; Tự chọn: 0 TC), chiếm 17.5% số TC CTĐT</b>													
<b>I</b>	<b>Lý luận Mác-Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh</b>													
1	05068	Triết học Mác - Lê nin	3	3	0	3		45	0	90			1	I
2	05069	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	2	0	2		30	0	60			2	II
3	05070	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2		30	0	60			3	II
4	05071	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	2		30	0	60			4	III
5	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	2		30	0	60			5	III
<b>II</b>	<b>Pháp luật – Tin học</b>													
6	00042	Pháp luật đại cương	2	2	0	2		30	0	60			6	IV
7	00008	Tin học đại cương	2	2	0	2		30	0	60			7	III
<b>III</b>	<b>Ngoại ngữ</b>													
8	GE1017	Anh văn I	3	3	0	3		45	0	90				I
9	GE1018	Anh văn II	3	3	0	3		45	0	90		8		II
<b>IV</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>													
10	GE1020	Giáo dục thể chất (*)	3*	1	2	3*		15	60	90				II
<b>V</b>	<b>Giáo dục quốc phòng - an ninh</b>													
11	02309	LT – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	5*	5	0	5*		75		150				I
12	02310	TH – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	3*	0	3	3*		0	90	90				II
<b>B</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 99 TC (Bắt buộc: 93 TC; Tự chọn: 6 TC), chiếm 82.5% số TC CTĐT</b>													
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở khối ngành: 02 TC (Bắt buộc: 02 TC; Tự chọn: 0 TC), chiếm 1,7% số TC CTĐT</b>													
13	JS1005	Dẫn luận Ngôn ngữ	2	2	0	2	0	30	0	30				II
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở ngành: 52 TC (Bắt buộc: 52 TC; Tự chọn: 0 TC), chiếm 43.3% số TC CTĐT</b>													
14	KS2002	Nghe nói tiếng Hàn sơ cấp 1	3	3	0	3	0	45	0	90				I
15	KS2003	Ngữ pháp tiếng Hàn sơ cấp 1	3	3	0	3	0	45	0	90				I
16	KS2004	Đọc viết tiếng Hàn sơ cấp 1	2	2	0	2	0	30	0	30				I
17	KS2005	Nghe nói tiếng Hàn sơ cấp 2	3	3	0	3	0	45	0	90		14		II
18	KS2006	Ngữ pháp tiếng Hàn sơ cấp 2	3	3	0	3	0	45	0	90		15		II

19	KS2007	Đọc viết tiếng Hàn sơ cấp 2	2	2	0	2	0	30	0	60		16		II
20	KS2008	Nghe nói tiếng Hàn sơ trung cấp	3	3	0	3	0	45	0	90		17		III
21	KS2009	Ngữ pháp tiếng Hàn sơ trung cấp	3	3	0	3	0	45	0	90		18		III
22	KS2010	Đọc viết tiếng Hàn sơ trung cấp	3	3	0	3	0	45	0	90		19		III
23	KS2011	Nghe nói tiếng Hàn trung cấp 1	3	3	0	3	0	45	0	90		20		IV
24	KS2012	Ngữ pháp tiếng Hàn trung cấp 1	3	3	0	3	0	45	0	90		21		IV
25	KS2013	Đọc viết tiếng Hàn trung cấp 1	3	3	0	3	0	45	0	90		22		IV
26	KS2014	Nghe nói tiếng Hàn trung cấp 2	3	3	0	3	0	45	0	90		23		V
27	KS2015	Ngữ pháp tiếng Hàn trung cấp 2	3	3	0	3	0	45	0	90		24		V
28	KS2016	Đọc viết tiếng Hàn trung cấp 2	3	3	0	3	0	45	0	90		25		V
29	KS2017	Nghe nói tiếng Hàn trung cao cấp	3	3	0	3	0	45	0	90		26		VI
30	KS2018	Ngữ pháp tiếng Hàn trung cao cấp	3	3	0	3	0	45	0	90		27		VI
31	KS2019	Đọc viết tiếng Hàn trung cao cấp	3	3	0	3	0	45	0	90		28		VI
<b>Khối kiến thức ngành/chuyên ngành: 36 TC (Bắt buộc: 30 TC; Tự chọn: 6 TC), chiếm 30% số TC CTĐT</b>														
32	KS3003	Văn học và nghệ thuật Hàn Quốc	3	3	0	3	0	45	0	90		32		VIII
33	KS3005	Địa lý và Du lịch Hàn Quốc	3	3	0	3	0	45	0	90		33		V
34	KS3006	Lịch sử Hàn Quốc	3	3	0	3	0	45	0	90		34		VII
35	KS3007	Văn hóa Hàn Quốc	3	3	0	3	0	45	0	90		35		VII
36	KS3008	Xã hội Hàn Quốc	3	3	0	3	0	45	0	90		36		VII
37	KS3009	Kinh tế và Chính trị Hàn Quốc	3	3	0	3	0	45	0	90		37		VIII
38	KS3021	Hình vị học, cú pháp học tiếng Hàn	3	3	0	3	0	45	0	90		38		IV
39	KS3001	Tiếng Hàn thương mại	3	3	0	3	0	45	0	90		39		V
40	KS3012	Biên dịch tiếng Hàn	3	3	0	3	0	45	0	90		40		VI
41	KS3013	Phiên dịch tiếng Hàn	3	3	0	3	0	45	0	90		41		VII
<b>Phần tự chọn (Chọn 2 môn trong 4 môn)</b>														
42	KS3015	Nghiệp vụ du lịch	3	3	0	0	3	45	0	90		42a		VI
43	KS3004	Âm vị học tiếng Hàn	3	3	0	0	3	45	0	90		42b		VII
44	KS3016	Phương pháp giáo dục tiếng Hàn	3	3	0	0	3	45	0	90		42c		VI
45	KS3002	Kỹ năng viết Topik	3	3	0	0	3	45	0	90		42d		VII
<b>III Khối kiến thức cuối khóa (thực tập nghề nghiệp, khóa luận tốt nghiệp/đồ án tốt nghiệp/các học phần thay thế): 9 TC (Bắt buộc: 3 TC; Tự chọn: 6 TC), chiếm 7.5% số TC CTĐT</b>														
46	KS3017	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3	3	0	0	90	45		45		VIII
<b>Sinh viên lựa chọn Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế</b>														

47	KS3018	Khóa luận tốt nghiệp (có điều kiện – điểm trung bình từ 8.0 trở lên)	6	6	0	0	6	90	0	90				VIII
<b>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>														
48	KS3019	Phương pháp nghiên cứu Hàn Quốc học	3	3	0	0	3	45	0	90			45a	VIII
49	KS3020	Kỹ năng giao tiếp với người Hàn	3	3	0	0	3	45	0	90			45b	VIII
<b>Tổng số tín chỉ của toàn chương trình: 120 TC (Bắt buộc: 106 TC; Tự chọn: 14 TC)</b>														

## 8. Tổ chức thực hiện

### 8.1 Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết	
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành
<b>Học kỳ I: 14 TC (Bắt buộc: 14 TC; Tự chọn: 0 TC)</b>			<b>14</b>						
1	GE1017	Anh văn I	3	3	0	3	0	45	0
2	05068	Triết học Mác - Lê nin	3	3	0	3	0	45	0
3	KS2003	Ngữ pháp tiếng Hàn sơ cấp 1	3	3	0	3	0	45	0
4	KS2002	Nghe nói tiếng Hàn sơ cấp 1	3	3	0	3	0	45	0
5	KS2004	Đọc viết tiếng Hàn sơ cấp 1	2	2	0	2	0	30	0
6	02309	LT - Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	5*	5	0	5*	0	75	0
<b>Học kỳ II: 17 TC (Bắt buộc: 17 TC; Tự chọn: 0 TC)</b>			<b>17</b>						
1	05069	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	2	0	2	0	30	0
2	05070	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2	0	30	0
3	GE1018	Anh văn II	3	3	0	3	0	45	0
4	KS2006	Ngữ pháp tiếng Hàn sơ cấp 2	3	3	0	3	0	45	0
5	KS2005	Nghe nói tiếng Hàn sơ cấp 2	3	3	0	3	0	45	0
6	KS2007	Đọc viết tiếng Hàn sơ cấp 2	2	2	0	2	0	30	0
7	JS1005	Dẫn luận Ngôn ngữ	2	2	0	2	0	30	0
8	GE1020	Giáo dục thể chất*	3*	1	2	3*	0	15	60
9	02309	LT - Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	5*	5	0	5*	0	75	0
<b>Học kỳ III: 15 TC (Bắt buộc: 15 TC; Tự chọn: 0 TC)</b>			<b>15</b>						
1	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	2	0	30	0
2	05071	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0	2	0	30	0
3	00008	Tin học đại cương	2	2	0	2	0	30	0
4	KS2009	Ngữ pháp tiếng Hàn sơ trung cấp	3	3	0	3	0	45	0
5	KS2008	Nghe nói tiếng Hàn sơ trung cấp	3	3	0	3	0	45	0
6	KS2010	Đọc viết tiếng Hàn sơ trung cấp	3	3	0	3	0	45	0
<b>Học kỳ IV: 14TC (Bắt buộc: 14 TC; Tự chọn: 0)</b>			<b>14</b>						
1	00042	Pháp luật đại cương	2	2	0	2	0	30	0
2	KS2011	Nghe nói tiếng Hàn trung cấp 1	3	3	0	3	0	45	0

3	KS2012	Ngữ pháp tiếng Hàn trung cấp 1	3	3	0	3	0	45	0
4	KS2013	Đọc viết tiếng Hàn trung cấp 1	3	3	0	3	0	45	0
5	KS3021	Hình vị học, cú pháp học tiếng Hàn	3	3	0	3	0	45	0
<b>Học kỳ V: 15 TC (Bắt buộc: 15 TC; Tự chọn: 0 TC)</b>			<b>15</b>						
1	KS2014	Nghe nói tiếng Hàn trung cấp 2	3	3	0	3	0	45	0
2	KS2015	Ngữ pháp tiếng Hàn trung cấp 2	3	3	0	3	0	45	0
3	KS2016	Đọc viết tiếng Hàn trung cấp 2	3	3	0	3	0	45	0
4	KS3005	Địa lý và Du lịch Hàn Quốc	3	3	0	3	0	45	0
5	KS3001	Tiếng Hàn thương mại	3	3	0	3	0	45	0
<b>Học kỳ VI: 15 TC (Bắt buộc: 12 TC; Tự chọn: 3 TC)</b>			<b>15</b>						
1	KS2017	Nghe nói tiếng Hàn trung cao cấp	3	3	0	3	0	45	0
2	KS2018	Ngữ pháp tiếng Hàn trung cao cấp	3	3	0	3	0	45	0
3	KS2019	Đọc viết tiếng Hàn trung cao cấp	3	3	0	3	0	45	0
4	KS3012	Biên dịch tiếng Hàn	3	3	0	3	0	45	0
<b>Phần tự chọn (chọn 1 trong 2)</b>									
5a	KS3016	Phương pháp giáo dục tiếng Hàn	3	3	0	0	3	45	0
5b	KS3015	Nghiệp vụ du lịch	3	3	0	0	3	45	0
<b>Học kỳ VII: 15 TC (Bắt buộc: 12 TC; Tự chọn: 3 TC)</b>			<b>15</b>						
1	KS3006	Lịch sử Hàn Quốc	3	3	0	3	0	45	0
2	KS3007	Văn hóa Hàn Quốc	3	3	0	3	0	45	0
3	KS3008	Xã hội Hàn Quốc	3	3	0	3	0	45	0
4	KS3013	Phiên dịch tiếng Hàn	3	3	0	3	0	45	0
<b>Phần tự chọn (chọn 1 trong 2)</b>									
5a	KS3004	Âm vị học tiếng Hàn	3	3	0	0	3	45	0
5b	KS3002	Kỹ năng viết TOPIK	3	3	0	0	3	45	0
<b>Học kỳ VIII: 15 TC (Bắt buộc: 9 TC; Tự chọn: 6 TC)</b>			<b>15</b>						
1	KS3003	Văn học và nghệ thuật Hàn Quốc	3	3	0	3	0	45	0
2	KS3009	Kinh tế và Chính trị Hàn Quốc	3	3	0	3	0	45	0
3	KS3017	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3	3	0	0	90
4	KS3018	Khóa luận tốt nghiệp (có điều kiện - điểm trung bình từ 8.0 trở lên)	6	6	0	0	6	90	0
<b>Học phần thay thế khóa luận</b>									
5a	KS3019	Phương pháp nghiên cứu Hàn Quốc học	3	3	0	0	3	45	0
5b	KS3020	Kỹ năng giao tiếp với người Hàn	3	3	0	0	3	45	0
<b>TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA</b>			<b>120</b>						

**Lưu ý:** Hạn chế bố trí một học phần ở học kỳ 2 nếu học phần điều kiện tiên quyết của học phần đó được học ở học kỳ 1.

## 8.2 Hướng dẫn thực hiện chương trình

### 9. Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)

#### 9.1 Học phần Triết học Mác – Lê nin (3 tín chỉ)

Học phần trang bị những nội dung cơ bản của thế giới quan và phương pháp luận triết học



của chủ nghĩa Mác – Lê nin trong việc nghiên cứu và học tập các môn học khác trong chương trình đào tạo cũng như các tri thức khác của nhân loại; cho việc vận dụng các tri thức của sinh viên vào đời sống thực tiễn. Làm tiền đề trực tiếp để nghiên cứu các bộ phận cấu thành khác của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tiếp cận môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên, định hướng tư tưởng - chính trị trong chuyên ngành được đào tạo

### **9.2 Học phần Kinh tế chính trị Mác – Lê nin (2 tín chỉ)**

Kinh tế chính trị Mác- Lê nin bao gồm 2 phần: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác- Lênin về phương thức sản xuất Tư bản chủ nghĩa và Lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin về Chủ nghĩa xã hội. Phần Học thuyết kinh tế giới thiệu 2 học thuyết cơ bản là học thuyết giá trị và học thuyết giá trị thặng dư, qua đó sinh viên được tiếp cận, luận giải các phạm trù kinh tế cơ bản của một nền kinh tế thị trường cạnh tranh tự do. Đồng thời Phần Học thuyết kinh tế cũng luận giải sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản từ giai đoạn cạnh tranh tự do sang giai đoạn độc quyền, độc quyền nhà nước từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và những đặc điểm kinh tế cơ bản của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa trong giai đoạn này. Phần Lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin về Chủ nghĩa xã hội giới thiệu những nội dung cơ bản về vai trò sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, tính tất yếu và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng XHCN như: xây dựng nền dân chủ XHCN, nhà nước XHCN, nền văn hóa XHCN, giải quyết các vấn đề về dân tộc và tôn giáo

### **9.3 Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)**

Trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH ( quá trình hình thành và phát triển của CNXHKKH. Người học có thể nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất của CNXHKKH, một trong ba bộ phận cấu thành của Chủ nghĩa Mác – Lênin

### **9.4 Học phần Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam (2 tín chỉ)**

Cung cấp cho người học kiến thức nền tảng khoa học Lý luận về hệ thống quan điểm, cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng CSVN. Hiểu được phương thức triển khai thực hiện các nghị quyết, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam trong tiến trình cách mạng Việt Nam - từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Biết vận dụng triển khai chủ trương, đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng hệ thống chính trị, văn hóa, xã hội, đối ngoại của Đảng CSVN trong thời kỳ đổi mới vào hoạt động thực tiễn cuộc sống xã hội nói chung và trong từng lĩnh vực ngành nghề, chuyên môn nói riêng.

### **9.5 Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về một số vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, bao gồm vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và Đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới; Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam.

### **9.6 Học phần Pháp luật Đại cương (2 tín chỉ)**

Hiểu được những vấn đề chung về nhà nước và pháp luật; quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; các chế định cơ bản của các ngành luật

### **9.7 Học phần Tin học đại cương (2 tín chỉ)**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; phần mềm hệ thống (hệ điều hành), phần mềm ứng dụng, phần mềm công cụ; Khai thác hệ điều hành phổ thông MS Windows; Sử dụng các phần mềm văn phòng để làm tài liệu, quản trị dữ liệu ở mức đơn giản; Sử dụng các dịch vụ trên Internet như e-mail, tìm kiếm tin tức.

### **9.8 Học phần Anh văn 1 (3 tín chỉ)**

This is integrated four-skill course. This course is for the students who want to use English effectively in daily life. The course provides content-rich topics in every unit, extensive to practice natural English, integrated skills, and a wide variety of engaging speaking activities. The course provides students with a good opportunity to learn through different media, and addresses the problem by focusing on practical communicative skills. The course teaches the language, skills, and competencies needed to carry out a communicative speaking activity at the end of each lesson and to achieve a practical learning outcome. The students reach English-using competence relative to level A2/IELTS 3.5-4.0.

### **9.9 Học phần Anh văn 2 (3 tín chỉ)**

This is integrated four-skill course. This course is for the students who want to use English effectively in daily life. The course provides content-rich topics in every unit, extensive to practice natural English, integrated skills, and a wide variety of engaging speaking activities. The course provides students with a good opportunity to learn through different media, and addresses the problem by focusing on practical communicative skills. The course teaches the language, skills, and competencies needed to carry out a communicative

speaking activity at the end of each lesson and to achieve a practical learning outcome. The students reach English-using competence relative to level B1/IELTS 4.0-4.5.

### **9.10 Học phần Giáo dục thể chất (3 tín chỉ)**

Huấn luyện cho người học những kiến thức cơ bản về thể thao quần chúng bao gồm: hiểu biết nguyên tắc, phương pháp huấn luyện thể lực, luật và tổ chức thi đấu một số môn thể thao.

### **9.11 Học phần Giáo dục quốc phòng (Lý thuyết) (5 tín chỉ)**

Môn học có 5 tín chỉ đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Môn học giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

Sinh viên tự nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh về quân sự và tình hình quốc phòng an ninh hiện nay dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

### **9.12 Học phần Giáo dục quốc phòng (Thực hành) (3 tín chỉ)**

Môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, các phương tiện chỉ huy để phục vụ cho nhiệm vụ học tập chiến thuật và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41; đặc điểm tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ; phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; vết thương chiến tranh và phương pháp xử lý; luyện tập đội hình lớp, khối.

Sinh viên tự nghiên cứu các vũ khí hủy diệt được Mỹ sử dụng ở Việt Nam từ năm 1955-1975, các chiến thuật của ta dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

### **9.13. Học phần Dẫn luận ngôn ngữ (2 tín chỉ)**

Cung cấp cho sinh viên cái nhìn khái quát về chuyên ngành học, định hướng việc lựa chọn nghề nghiệp của sinh viên. Hướng dẫn cho sinh viên phương pháp nghiên cứu, tìm kiếm tài liệu và viết báo cáo về Hàn Quốc học.

### **9.14 Học phần Nghe nói Tiếng Hàn sơ cấp 1 (3 tín chỉ)**

Học phần này gồm tất cả 4 phần, mỗi phần chia thành nhiều chủ đề nhỏ khác nhau. Phần mở đầu giới thiệu sơ lược về tiếng Hàn, bảng chữ cái, cách đọc, phát âm và quy tắc viết.

Mỗi chủ đề gồm bài khóa, từ vựng, ngữ pháp, các bài tập nhỏ. Các hình thức luyện tập làm quen với kiến thức mở đầu về tiếng Hàn, vận dụng được kiến thức đã học tiến hành giao tiếp sơ cấp.

#### **9.15 Học phần Ngữ pháp Tiếng Hàn sơ cấp 1 (3 tín chỉ)**

Học phần Ngữ pháp tiếng Hàn sơ cấp 1 được chia thành 22 mục ngữ pháp. Mỗi mục ngữ pháp được sắp xếp theo thứ tự là bài đối thoại định hướng, giải thích ngữ pháp, thực hành với mục đích giúp sinh viên làm quen với ngữ pháp không chỉ về mặt cấu trúc mà còn giúp sinh viên biết cách sử dụng đúng hoàn cảnh. Phần mở đầu giới thiệu sơ lược về tiếng Hàn, bảng chữ cái, cách đọc, phát âm và quy tắc viết.

#### **9.16 Học phần Đọc viết tiếng Hàn sơ cấp 1 (2 tín chỉ)**

Học phần này gồm tất cả 4 phần, mỗi phần chia thành 2 chủ đề nhỏ khác nhau. Phần mở đầu giới thiệu sơ lược về tiếng Hàn, bảng chữ cái, cách đọc, phát âm và quy tắc viết. Mỗi chủ đề gồm bài khóa, từ vựng, các bài tập nhỏ. Đọc hiểu đoạn văn ngắn, nắm được nội dung rồi trả lời câu hỏi theo từng mục. Dựa theo nội dung bài đọc hiểu, từ gợi ý để viết thành câu.

#### **9.17 Học phần Nghe nói tiếng Hàn sơ cấp 2 (3 tín chỉ)**

Học phần này gồm tất cả 5 phần, mỗi phần chia thành nhiều chủ đề nhỏ khác nhau. Mỗi chủ đề gồm bài khóa, từ vựng, các bài tập thực hành nhỏ. Vận dụng được kiến thức đã học tiến hành giao tiếp sơ cấp.

#### **9.18 Học phần Ngữ pháp tiếng Hàn sơ cấp 2 (3 tín chỉ)**

Học phần Ngữ pháp tiếng Hàn 2 được chia thành 34 mục ngữ pháp. Mỗi mục ngữ pháp được sắp xếp theo thứ tự là bài đối thoại định hướng, giải thích ngữ pháp, thực hành với mục đích giúp sinh viên làm quen với ngữ pháp không chỉ về mặt cấu trúc mà còn giúp sinh viên biết cách sử dụng đúng hoàn cảnh.

#### **9.19 Học phần Đọc viết tiếng Hàn sơ cấp 2 (2 tín chỉ)**

Học phần này gồm tất cả 5 phần, mỗi phần chia thành các chủ đề nhỏ khác nhau. Mỗi chủ đề gồm bài khóa, từ vựng, các bài tập nhỏ. Đọc hiểu đoạn văn ngắn, nắm được nội dung rồi trả lời câu hỏi theo từng mục. Dựa theo nội dung bài đọc hiểu, từ gợi ý để viết thành câu. Đoạn văn ngắn.

#### **9.20 Học phần Nghe nói tiếng Hàn sơ trung cấp (3 tín chỉ)**

Học phần này gồm tất cả 10 phần, mỗi phần chia thành nhiều chủ đề nhỏ khác nhau. Mỗi

chủ đề gồm bài khóa, từ vựng, các bài tập thực hành nhỏ. Vận dụng được kiến thức đã học tiến hành giao tiếp.

### **9.21 Học phần Ngữ pháp tiếng Hàn sơ trung cấp (3 tín chỉ)**

Môn học Ngữ pháp tiếng Hàn sơ trung cấp được chia thành 50 mục ngữ pháp. Mỗi mục ngữ pháp được sắp xếp theo thứ tự là bài đối thoại định hướng, giải thích ngữ pháp, thực hành với mục đích giúp sinh viên làm quen với ngữ pháp không chỉ về mặt cấu trúc mà còn giúp sinh viên biết cách sử dụng đúng hoàn cảnh. Cung cấp cho sinh viên lượng từ vựng liên quan đến cuộc sống. Các hình thức luyện tập, vận dụng được kiến thức đã học tiến hành giao tiếp 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thuộc cấp tương đương.

### **9.22 Học phần Đọc viết tiếng Hàn sơ trung cấp (3 tín chỉ)**

Học phần này gồm tất cả 10 phần, mỗi phần chia thành 2 chủ đề nhỏ khác nhau. Mỗi chủ đề gồm bài khóa, từ vựng, các bài tập nhỏ. Đọc hiểu đoạn văn ngắn, nắm được nội dung rồi trả lời câu hỏi theo từng mục. Dựa theo nội dung bài đọc hiểu, từ gợi ý để viết thành câu. Đoạn văn ngắn theo cấp tương đương.

### **9.23 Học phần Nghe nói tiếng Hàn trung cấp 1 (3 tín chỉ)**

Học phần này gồm tất cả 10 chương mỗi chương chia thành 2 chủ đề nhỏ khác nhau. Mỗi chủ đề gồm Dẫn nhập, từ vựng liên quan chủ đề, nghe trả lời câu hỏi, nói. Mỗi chủ đề là một tình huống cụ thể liên quan đến các mặt trong cuộc sống của người Hàn Quốc. Thông qua nghe hiểu, sinh viên nắm được nội dung trọng tâm, chủ đề của câu chuyện, nghe được các cuộc thảo luận và tóm tắt được nội dung chủ đề và áp dụng vào tình huống đối thoại so cho phù hợp.

### **9.24 Học phần Ngữ pháp tiếng Hàn trung cấp 1 (3 tín chỉ)**

Môn học Ngữ pháp tiếng Hàn trung cấp 1 được chia thành 50 mục ngữ pháp. Mỗi mục ngữ pháp được sắp xếp theo thứ tự là bài đối thoại định hướng, giải thích ngữ pháp, thực hành với mục đích giúp sinh viên làm quen với ngữ pháp không chỉ về mặt cấu trúc mà còn giúp sinh viên biết cách sử dụng đúng hoàn cảnh. Đồng thời, do có sự kết hợp qua lại theo hệ thống giữa các kỹ năng khác giúp sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào thực tế, làm tiền đề cho hình thành kỹ năng biên phiên dịch.

### **9.25 Học phần Đọc viết tiếng Hàn trung cấp 1 (3 tín chỉ)**

Học phần này gồm tất cả 10 phần, mỗi phần chia thành 2 chủ đề nhỏ. Mỗi chủ đề tương ứng với một thể loại văn phong của tiếng Hàn và các chủ đề liên hệ mật thiết tới cuộc sống của người Hàn, đồng thời có sự liên kết mật thiết với các chủ đề của môn Nghe nói Trung

cấp 1, hình thành một hệ thống liên kỹ năng Nghe nói, Đọc viết. Mỗi chủ đề bao gồm phần dẫn nhập, từ vựng, đọc hiểu, trả lời câu hỏi, thực hành và dựa theo nội dung bài đọc hiểu, từ gợi ý để viết thành câu, viết theo chủ đề, viết đoạn văn theo cấp tương đương.

### **9.26 Học phần Nghe nói tiếng Hàn trung cấp 2 (3 tín chỉ)**

Học phần này gồm tất cả 10 chương mỗi chương chia thành 2 chủ đề nhỏ khác nhau. Mỗi chủ đề gồm Dẫn nhập, từ vựng liên quan chủ đề, nghe trả lời câu hỏi, nói. Mỗi chủ đề là một tình huống cụ thể liên quan đến các mặt trong cuộc sống của người Hàn Quốc. Thông qua nghe hiểu, sinh viên nắm được nội dung trọng tâm, chủ đề của câu chuyện, nghe được các cuộc thảo luận và tóm tắt được nội dung chủ đề và áp dụng vào tình huống đối thoại so cho phù hợp.

### **9.27 Học phần Ngữ pháp tiếng Hàn trung cấp 2 (3 tín chỉ)**

Môn học Ngữ pháp tiếng Hàn trung cấp được chia thành 50 mục ngữ pháp. Mỗi mục ngữ pháp được sắp xếp theo thứ tự là bài đối thoại định hướng, giải thích ngữ pháp, thực hành với mục đích giúp sinh viên làm quen với ngữ pháp không chỉ về mặt cấu trúc mà còn giúp sinh viên biết cách sử dụng đúng hoàn cảnh. Đồng thời, do có sự kết hợp qua lại theo hệ thống giữa các kỹ năng khác giúp sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào thực tế, làm tiền đề cho hình thành kỹ năng biên phiên dịch.

### **9.28 Học phần Đọc viết tiếng Hàn trung cấp 2 (3 tín chỉ)**

Học phần này gồm tất cả 10 phần, mỗi phần chia thành 2 chủ đề nhỏ. Mỗi chủ đề tương ứng với một thể loại văn phong của tiếng Hàn và các chủ đề liên hệ mật thiết tới cuộc sống của người Hàn, đồng thời có sự liên kết mật thiết với các chủ đề của môn Nghe nói Trung cấp 2, hình thành một hệ thống liên kỹ năng Nghe nói, Đọc viết. Mỗi chủ đề bao gồm phần dẫn nhập, từ vựng, đọc hiểu, trả lời câu hỏi, thực hành và dựa theo nội dung bài đọc hiểu, từ gợi ý để viết thành câu, viết theo chủ đề, viết đoạn văn theo cấp tương đương.

### **9.29 Học phần Nghe nói tiếng Hàn trung cao cấp (3 tín chỉ)**

Học phần này gồm tất cả 10 chương mỗi chương chia thành 2 chủ đề nhỏ khác nhau. Mỗi chủ đề gồm Dẫn nhập, từ vựng liên quan chủ đề, nghe trả lời câu hỏi, nói. Mỗi chủ đề là một tình huống cụ thể liên quan đến các mặt trong cuộc sống của người Hàn Quốc. Thông qua nghe hiểu, sinh viên nắm được nội dung trọng tâm, chủ đề của câu chuyện, nghe được các cuộc thảo luận và tóm tắt được nội dung chủ đề và áp dụng vào tình huống đối thoại so cho phù hợp.

### **9.30 Học phần Ngữ pháp tiếng Hàn trung cao cấp (3 tín chỉ)**

Môn học Ngữ pháp tiếng Hàn trung cao cấp được chia thành 30 mục ngữ pháp. Mỗi mục ngữ pháp được sắp xếp theo thứ tự là bài đối thoại định hướng, giải thích ngữ pháp, thực hành với mục đích giúp sinh viên làm quen với ngữ pháp không chỉ về mặt cấu trúc mà còn giúp sinh viên biết cách sử dụng đúng hoàn cảnh. Đồng thời, do có sự kết hợp qua lại theo hệ thống giữa các kỹ năng khác giúp sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào thực tế, làm tiền đề cho hình thành kỹ năng biên phiên dịch.

### **9.31 Học phần Đọc viết tiếng Hàn trung cao cấp (3 tín chỉ)**

Học phần này gồm tất cả 10 phần, mỗi phần chia thành 2 chủ đề nhỏ. Mỗi chủ đề tương ứng với một thể loại văn phong của tiếng Hàn và các chủ đề liên hệ mật thiết tới cuộc sống của người Hàn, đồng thời có sự liên kết mật thiết với các chủ đề của môn Nghe nói Trung cao cấp, hình thành một hệ thống liên kỹ năng Nghe nói, Đọc viết. Mỗi chủ đề bao gồm phần dẫn nhập, từ vựng, đọc hiểu, trả lời câu hỏi, thực hành và dựa theo nội dung bài đọc hiểu, từ gợi ý để viết thành câu, viết theo chủ đề, viết đoạn văn theo cấp tương đương.

### **9.32 Học phần Văn học và nghệ thuật Hàn Quốc (3 tín chỉ)**

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên sẽ hiểu biết về các giai đoạn phát triển văn học và các tác phẩm tiêu biểu của nền văn học Hàn. Từ đó sinh viên có cái nhìn tổng quát hơn về toàn bộ tiến trình phát triển văn học của Hàn Quốc. Ngoài ra, sinh viên có hiểu biết về nghệ thuật truyền thống cũng như nghệ thuật hiện đại của Hàn Quốc.

### **9.33 Học phần Địa lý và Du lịch Hàn Quốc (3 tín chỉ)**

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên sẽ hiểu biết về vị trí địa lý của từng khu vực, nét đặc trưng vùng miền cũng như vị trí địa lý của Hàn Quốc trong khu vực và trên thế giới. Đồng thời, sinh viên sẽ được tìm hiểu về nền công nghiệp không khói của Hàn Quốc, các địa điểm tham quan, các di tích, các quốc bảo của Hàn Quốc, cũng như lý do Hàn Quốc trở thành 1 cường quốc về Du lịch.

### **9.34 Học phần Lịch sử Hàn Quốc (3 tín chỉ)**

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên sẽ hiểu biết về lịch sử Hàn Quốc qua các kỳ dựng nước, giai đoạn lịch sử phong kiến, giai đoạn nội chiến và phân chia 2 miền Nam Bắc.

### **9.35 Học phần Văn hóa Hàn Quốc (3 tín chỉ)**

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên sẽ hiểu biết về văn hóa đặc trưng của Hàn Quốc như : ngôn ngữ, ẩm thực, trang phục, tôn giáo, lễ hội truyền thống và nghệ thuật truyền thống Hàn Quốc. Ngoài ra sinh viên cũng sẽ có hiểu biết về văn hoá đương đại Hàn Quốc như KPOP, Kdrama, ...

### **9.36 Học phần Xã hội Hàn Quốc (3 tín chỉ)**

Cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về Xã hội Hàn Quốc, giúp sinh viên hiểu về sự biến đổi của Hàn Quốc qua các thời kỳ, đồng thời giúp sinh viên có cái nhìn khách quan để có thể dễ dàng hội nhập với xã hội Hàn Quốc.

### **9.37 Học phần Kinh tế và Chính trị Hàn Quốc (3 tín chỉ)**

Giúp sinh viên sẽ hiểu biết về nền kinh tế Hàn Quốc theo các giai đoạn lịch sử trước và sau năm 1953 cũng như những đột phá về kinh tế tạo nên 'kỳ tích sông Hàn' và cấu trúc kinh tế Hàn Quốc hiện tại. Đồng thời giúp sinh viên tiếp cận các bộ luật chính của Hàn Quốc.

### **9.38. Học phần Hình vị học, cú pháp học tiếng Hàn (3 tín chỉ)**

Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên sẽ hiểu biết về các thể loại câu, cấu trúc câu từ đơn giản đến phức hợp, cách sử dụng từ và phân bổ từ trong việc hình thành câu trong tiếng Hàn.

### **9.39 Học phần Tiếng Hàn Thương Mại (3 tín chỉ)**

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên sẽ hiểu biết về các từ vựng chuyên ngành về kinh tế, thương mại, quản trị cũng như tìm hiểu tiếng Hàn chuyên ngành qua các hợp đồng thương mại, hợp đồng kinh tế, ... cũng như có kiến thức về Văn hoá doanh nghiệp của Hàn Quốc để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai.

### **9.40 Học phần Biên dịch tiếng Hàn (3 tín chỉ)**

Sau khi hoàn thành môn học sinh viên sẽ hiểu biết về kỹ thuật dịch các tài liệu thực tế theo nhiều chủ đề : thuê nhà, ngoại thương, các lĩnh vực chuyên môn v.v... theo văn phong Hàn Quốc. Đặc biệt sinh viên được trau dồi kỹ năng dịch văn bản nhằm chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai.

### **9.41 Học phần Phiên dịch tiếng Hàn (3 tín chỉ)**

Sau khi hoàn thành môn học sinh viên sẽ hiểu biết về kỹ thuật phiên dịch trong nhiều tình huống khác nhau theo văn phong Hàn Quốc như dịch song hành, dịch đuổi (dịch cabin), dịch đồng thời, ... để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai.

### **9.42 Học phần Nghiệp vụ du lịch (3 tín chỉ)**

Cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động hướng dẫn du lịch, các nghiệp vụ hướng dẫn phục vụ khách du lịch trong quá trình thực hiện các chương trình du lịch.



#### **9.43 Học phần Âm vị học tiếng Hàn (3 tín chỉ)**

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể lĩnh hội được kiến thức về cấu tạo và nguyên lý hình thành hệ thống âm tiết, các âm vị trong tiếng Hàn và các hiện tượng biến đổi về ngữ âm tiếng Hàn.

#### **9.44 Học phần Phương pháp giáo dục tiếng Hàn (3 tín chỉ)**

Trang bị kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cơ bản (cách thiết kế bài giảng, cấu trúc làm đề thi, phương pháp đánh giá và cho điểm...) về giảng dạy đại học cho các đối tượng. Đồng thời, sinh viên sẽ hiểu biết về các kỹ năng sư phạm về giảng dạy ngôn ngữ cũng như các phương pháp giáo dục tiếng hiệu quả nhất đối với người học.

#### **9.45 Học phần Kỹ năng viết TOPIK (3 tín chỉ)**

Học phần hướng dẫn cho sinh viên làm quen với các dạng đề xuất hiện trong đề thi TOPIK nhằm giúp sinh viên thực hành kỹ năng làm bài thi viết, đọc nghe Năng lực tiếng Hàn (TOPIK). Đồng thời cung cấp cho sinh viên một số lượng từ vựng, ngữ pháp đáp ứng chuẩn đầu ra của chuyên ngành (TOPIK 4).

#### **9.46 Học phần Thực tập tốt nghiệp (3 tín chỉ)**

Sinh viên thực tập tại các doanh nghiệp có các yếu tố liên quan đến Hàn Quốc để giúp sinh viên làm quen với thực tế công việc, trao đổi thêm kiến thức và kỹ năng giữa học tập và thực tế yêu cầu của các công ty bên ngoài nhà trường.

#### **9.47 Học phần Khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ)**

Sinh viên tìm hiểu có chọn lọc các chủ đề quan tâm, phù hợp với chuyên ngành được đào tạo, sinh viên sẽ được phân giảng viên hướng dẫn thực hiện đề tài và sinh viên sẽ bảo vệ luận văn trước hội đồng chấm luận văn theo thời gian quy định.

#### **9.48 Học phần Phương pháp nghiên cứu Hàn Quốc học (3 tín chỉ)**

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên sẽ hiểu biết về các phương pháp nghiên cứu phù hợp với chuyên ngành học, kỹ năng soạn thảo câu hỏi phỏng vấn, điều tra khảo sát và thu thập dữ liệu.

#### **9.49 Học phần Kỹ năng giao tiếp với người Hàn (3 tín chỉ)**

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên sẽ hiểu biết về các quy tắc dùng trong giao tiếp của người Hàn Quốc trong sinh hoạt cũng như ngoài xã hội. Đồng thời giúp sinh viên có kỹ năng giao tiếp với người Hàn Quốc trong môi trường doanh nghiệp thông qua các trao đổi thực tế hoặc qua văn bản, thư tín, ...